

Số: 592/GPMT-UBND

Hải Dương, ngày 04 tháng 3 năm 2025

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét văn bản đề nghị cấp lại Giấy phép môi trường của Công ty cổ phần Tấn Hưng ngày 23 tháng 02 năm 2025 và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 114/TTr-STNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty cổ phần Tấn Hưng, địa chỉ tại thôn Ngọc Lặc, xã Ngọc Sơn, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở sản xuất giấy và cho thuê nhà xưởng tại thôn Ngọc Lặc, xã Ngọc Sơn, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương với các nội dung như sau:

#### **1. Thông tin chung của cơ sở**

1.1. Tên cơ sở: Cơ sở sản xuất giấy và cho thuê nhà xưởng.

1.2. Địa điểm hoạt động: thôn Ngọc Lặc, xã Ngọc Sơn, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số 0101502574 do phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp, đăng ký lần đầu ngày 16/02/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 15/01/2020; Quyết định số 4523/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của UBND tỉnh

Hải Dương về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án “Cơ sở sản xuất giấy và cho thuê nhà xưởng” (điều chỉnh từ dự án Cơ sở sản xuất giấy và bao bì) của Công ty cổ phần Tấn Hưng.

1.4. Mã số thuế: 0101502574.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất bao bì cao cấp medium, giấy viết, giấy photo, giấy ăn, giấy vệ sinh và cho thuê nhà xưởng.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Diện tích của cơ sở: 74.101 m<sup>2</sup>.

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất:

+ Công suất hiện tại: Sản xuất bao bì cao cấp medium, giấy viết, giấy photo quy mô 16.000 tấn/năm và sản xuất giấy vệ sinh, giấy ăn quy mô 2.000 tấn/năm; cho Công ty TNHH Giấy Continuance Việt Nam thuê 13.605,0 m<sup>2</sup> nhà xưởng và 1.516,0 m<sup>2</sup> công trình phụ trợ.

+ Công suất tối đa: Sản xuất bao bì cao cấp medium, giấy viết, giấy photo quy mô 20.000 tấn/năm và sản xuất giấy vệ sinh, giấy ăn quy mô 18.000 tấn/năm; cho thuê nhà xưởng 13.605,0 m<sup>2</sup> và cho thuê công trình phụ trợ 1.516,0 m<sup>2</sup>. Ngành nghề thu hút vào thuê là các ngành nghề ít nguy cơ gây ô nhiễm môi trường như may mặc, thủ công mỹ nghệ, sản xuất bao bì.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Giấy phép này.

### **Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần Tấn Hưng:**

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

## 2. Công ty cổ phần Tấn Hưng có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương, Sở Nông nghiệp và Môi trường nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với nội dung quy định tại Giấy phép môi trường phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh Hải Dương.

**Điều 3:** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký.

Giấy phép môi trường số 484/GPMT-UBND của UBND tỉnh Hải Dương ngày 05 tháng 3 năm 2024 hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

**Điều 4.** Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND thành phố Hải Dương tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với cơ sở theo quy định của pháp luật./.

### ***Nơi nhận:***

- Công ty cổ phần Tấn Hưng;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- UBND thành phố Hải Dương;
- Trung tâm CNTT- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, Thành (5b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lưu Văn Bản**

## Phụ lục I

# NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 592/GPMT-UBND

ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

## A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường do nước thải sau xử lý được tuần hoàn, tái sử dụng lại quá trình sản xuất, không xả ra môi trường.

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải từ các nhà vệ sinh khu vực sản xuất bao bì cao cấp medium, giấy photo và giấy viết của Công ty sau xử lý sơ bộ qua bể tự hoại (có 02 bể tự hoại 3 ngăn với tổng thể tích khoảng 20m<sup>3</sup>) theo đường ống PVC Ø90, độ dốc 0,1% tự chảy qua hố ga (kích thước 1,24m x 1,24m x 1,3m) để lắng cặn, sau đó chảy về hệ thống thu gom, thoát nước ngoài nhà (rãnh xây dài 80m, rộng 40cm và sâu từ 30-50cm) và bể gom nước thải tập trung thể tích 10,5 m<sup>3</sup> (kích thước 2,0m x 3,5m x 1,5m) trước khi dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 800 m<sup>3</sup>/ngày đêm để xử lý.

- Nước thải từ các nhà vệ sinh khu vực sản xuất giấy ăn và giấy vệ sinh của Công ty sau xử lý sơ bộ qua bể tự hoại (có 02 bể tự hoại 3 ngăn với tổng thể tích khoảng 20m<sup>3</sup>) theo đường ống PVC Ø90, độ dốc 0,1% tự chảy về bể gom chung nước thải nhà vệ sinh của khu vực thể tích 4,335 m<sup>3</sup> (kích thước 1,7m x 1,7m x 1,5m), sau đó được bơm cưỡng bức (01 bơm, lưu lượng 20m<sup>3</sup>/h) qua đường ống HDPE DN34, dài 10m và đường ống thép mạ kẽm, DN100, dài 120m. Cuối cùng, nước thải được bơm cưỡng bức (01 bơm, lưu lượng 50m<sup>3</sup>/h) sang hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 800 m<sup>3</sup>/ngày đêm để xử lý.

- Nước thải nhà ăn sau khi được xử lý sơ bộ bằng bể tách mỡ thể tích 1m<sup>3</sup> (kích thước 1m x 1m x 1m), tự chảy về hệ thống thoát nước ngoài nhà (rãnh xây dài 100m, rộng 40cm và sâu từ 30-50cm) và theo đường ống nhựa PVC DN160, dài 1m dẫn về bể gom nước thải tập trung thể tích 10,5 m<sup>3</sup> (kích thước 2,0m x 3,5m x 1,5m) trước khi dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 800 m<sup>3</sup>/ngày đêm để xử lý.

- Nước thải phát sinh từ quá trình sản xuất bao bì cao cấp medium, giấy photo và giấy viết:

+ Nước phát sinh từ dây chuyền sản xuất bao bì cao cấp medium, giấy photo và giấy viết (nước trong quá trình sản xuất phát sinh từ công đoạn làm khô được

thu gom về bể gom ngầm  $9,6\text{m}^3$  (kích thước  $3,2 \times 2,0 \times 1,5\text{m}$ ), sau đó được bơm cưỡng bức (công suất  $65\text{m}^3/\text{h}$ ) qua hệ thống đường ống inox DN 125, chiều dài 8m lên bể bê tông nổi  $120\text{m}^3$  để tái sử dụng cho sản xuất. Nước dư thừa từ bể này chảy tràn theo đường ống inox DN150, chiều dài 80m sang bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất  $800\text{m}^3/\text{ngày}$  đêm để xử lý.

+ Nước vương vãi, nước rửa sàn khu vực sản xuất bao bì cao cấp medium, giấy photo và giấy viết được thu gom vào hệ thống thoát nước trong và ngoài nhà (rãnh xây dài 80m, rộng 40cm, sâu từ 30-50cm và rãnh xây dài 40m, sâu 50cm tự chảy qua song chắn rác, sau đó tự chảy về bể gom nước thải tập trung thể tích  $10,5\text{m}^3$  (kích thước  $2,0\text{m} \times 3,5\text{m} \times 1,5\text{m}$ ), sau đó, sử dụng bơm cưỡng bức công suất  $60\text{m}^3/\text{h}$ , qua đường ống inox DN100, dài 60m về bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất  $800\text{m}^3/\text{ngày}$  đêm để xử lý.

- Nước thải phát sinh từ quá trình sản xuất giấy ăn và giấy vệ sinh:

+ Nước trong quá trình sản xuất giấy ăn và giấy vệ sinh phát sinh từ công đoạn làm khô được gom tập trung vào bể âm  $46\text{m}^3$  (kích thước  $2,74\text{m} \times 5,6\text{m} \times$  sâu  $3,0\text{m}$ ) dưới dây chuyền sản xuất (khu vực lưới), được bơm cưỡng bức  $50\text{m}^3/\text{h}$  về bể chứa nước tập trung  $85\text{m}^3$  qua hệ thống đường ống DN100, chiều dài 25m và được tái sử dụng cho quá trình sản xuất. Nước thừa được chảy tràn tự do bằng ống inox DN100, chiều dài 30m về bể trụ tròn đặt âm dưới mặt đất (xây ngầm, thép tròn, đường kính 1,5m, dài 6m), sau đó được bơm cưỡng bức bằng bơm có công suất  $50\text{m}^3/\text{h}$  theo đường ống thép mạ kẽm DN100, chiều dài 120m cùng với nước thải từ bể gom chung nước thải nhà vệ sinh (khu vực sản xuất giấy vệ sinh và giấy ăn) về đường ống thép mạ kẽm DN100, chiều dài 80m về bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất  $800\text{m}^3/\text{ngày}$  đêm để xử lý.

+ Nước vương vãi, nước rửa sàn khu vực sản xuất giấy ăn và giấy vệ sinh được thu gom qua hệ thống rãnh thoát nước trong và ngoài nhà (rãnh xây, dài 20m, sâu từ 30-50cm), tự chảy vào bể trụ tròn thể tích  $10\text{m}^3$  (bể chứa nước thải phát sinh từ dây chuyền sản xuất giấy ăn và giấy vệ sinh).

- Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi 15 tấn hơi/h được xử lý qua bể lắng 4 ngăn, dung tích  $25\text{m}^3$  (kích thước dài 8,2m, rộng 3,2m, sâu bậc thang từ 0,5m-1,2m) được tuần hoàn, tái sử dụng để dập bụi lò hơi 15 tấn hơi/h. Định kỳ 01 tuần/lần tiến hành vệ sinh bể lắng. Phần nước trong được đưa về bể gom nước thải tập trung của Công ty trước khi dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất  $800\text{m}^3/\text{ngày}$  đêm để xử lý. Phần cặn đáy được định kỳ nạo vét, thu gom và thuê đơn vị chức năng tới vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi 8 tấn hơi/h được xử lý qua bể lắng 3 ngăn, dung tích  $12,87\text{m}^3$  (kích thước dài 3,9m, rộng 2,2m, sâu 1,5m) được sử dụng tuần hoàn, tái sử dụng để dập bụi lò hơi 8 tấn hơi/h. Định kỳ 01 tuần/lần tiến hành vệ sinh bể lắng. Phần nước trong được đưa về bể gom nước thải tập trung của Công ty trước khi dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất  $800\text{m}^3/\text{ngày}$  đêm để xử lý. Phần cặn đáy được định kỳ nạo vét, thu gom và thuê đơn vị chức năng tới vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Nước thải xả cặn lò hơi 15 tấn hơi/h: Định kỳ 8 tiếng/lần tiến hành xả cặn

lò hơi, nước được thu gom qua ống thép DN100 dài 15m về bể lắng 4 ngăn, được tái sử dụng để dập bụi. Bể có đường ống chống tràn PVC DN90 dài 45m về bể kích thước dài 2,0m x rộng 1,5m x sâu 1,5m (bể gom chung của lò hơi 8 tấn/h và 15 tấn/h), sau đó, nước thải được bơm cưỡng bức (công suất 2,2kw) về bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 800 m<sup>3</sup>/ ngày để xử lý qua đường ống uPVC DN50 dài 45m.

- Nước thải xả cặn lò hơi 8 tấn hơi/h: Định kỳ 8 tiếng/lần tiến hành xả cặn lò hơi, nước được thu gom qua ống thép DN100 dài 20m về bể lắng 3 ngăn được tái sử dụng để dập bụi, bể có đường ống chống tràn PVC DN90 dài 25m về bể kích thước dài 2,0m x rộng 1,5m x sâu 1,5m (bể gom chung của lò hơi 8 tấn/h và 15 tấn/h), sau đó, nước thải được bơm cưỡng bức (công suất 2,2kw) về bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 800 m<sup>3</sup>/ngày để xử lý qua đường ống uPVC DN50 dài 45m.

## 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sản xuất sau khi qua bể gom và nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại → Bể điều hòa → Hệ thống tuyển nổi → Bể tuần hoàn UASB → Bể UASB → Bể hiếu khí → Bể lắng bùn → Bể trung gian khử trùng → Cột lọc áp lực → Hồ sinh học → Bể lọc cát → Tuần hoàn, tái sử dụng toàn bộ cho sản xuất.

- Công suất thiết kế: 800 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Thông số kỹ thuật:

+ Bể điều hòa 814,8m<sup>3</sup> (dài 19,4m x rộng 7,0m x cao 6,0m), bể hiếu khí 2070m<sup>3</sup> (chiều dài cạnh đáy 14,4m-20,1m x rộng 20,0m x cao 6,0m), bể tuần hoàn UASB 172,8 m<sup>3</sup> (dài 4m x rộng 5,4m x cao 8m), bể UASB 922,8 m<sup>3</sup> (dài 14,42m x rộng 8m x cao 8m), bể lắng bùn 174,96 m<sup>3</sup> (dài 5,4m x rộng 5,4m x cao 6m), bể tuyển nổi 40,7 m<sup>3</sup> (đường kính 7,2m x cao 1m); cột lọc áp lực 3,17 m<sup>3</sup> (đường kính 1,6m x cao 1,58m), bể khử trùng 87,48m<sup>3</sup> (dài 5,4m x rộng 2,7m x cao 6m).

+ Bể lọc cát có công suất 20 m<sup>3</sup>/h, kích thước dài 5m x rộng 4m x sâu 2m, cấu tạo bao gồm: lớp sỏi cuội (dày 20cm), lớp sỏi nhỡ (dày 20cm), lớp cát vàng (dày 30cm) và lớp cát đen (dày 30cm).

+ Bể chứa nước sạch (bao gồm nước thải sau xử lý và nguồn nước mặt sông Thái Bình qua hệ thống bể lọc cát) có thể tích 504m<sup>3</sup> (BTCT, kích thước dài 12m x rộng 12m x sâu 3,5m và chia 2 ngăn). Bể có chức năng cung cấp nước cho dây chuyền sản xuất và cấp nước lò hơi.

Nước từ bể chứa nước sạch ngăn thứ 1 thể tích 252m<sup>3</sup> (kích thước dài 12m x rộng 6m x sâu 3,5m) được bơm về dây chuyền sản xuất giấy ăn và giấy vệ sinh bằng bơm cưỡng bức công suất 55m<sup>3</sup>/h.

Nước từ bể chứa nước sạch ngăn thứ 2 thể tích 252m<sup>3</sup> (kích thước dài 12m x rộng 6m x sâu 3,5m) được bơm về dây chuyền sản xuất bao bì cao cấp medium, giấy photo, giấy viết và cấp nước cho lò hơi 8 tấn, lò hơi 15 tấn bằng bơm cưỡng bức công suất 55m<sup>3</sup>/h.

+ Hồ chứa nước 1 dung tích 1.960m<sup>3</sup> (kích thước dài 56m x rộng 14m x sâu 2,5m), thành và đáy có phủ lớp bạt HDPE, đất sét dày 15 cm; 03 lớp vải địa kỹ thuật dày 0,25mm/lớp; tiếp đến lớp cát trung, sỏi, đá vụn 5cm; trang bị bơm cưỡng bức công suất 45 m<sup>3</sup>/h.

Nước sông Thái Bình được bơm vào hồ chứa nước 1 bằng 01 bơm cưỡng bức (36kw, 120m<sup>3</sup>/h) để lắng bùn và phù sa; qua bể lọc cát và sau đó được đưa đến ngăn thứ 1 thể tích 252m<sup>3</sup> (kích thước dài 12m x rộng 6m x sâu 3,5m) của bể chứa nước sạch (bể chứa nước sạch thể tích 504m<sup>3</sup>) để sử dụng cho dây chuyền sản xuất giấy ăn và giấy vệ sinh. Hồ chứa nước 1 có chức năng chứa nước sông Thái Bình và phục vụ hệ thống PCCC cho nhà máy.

+ Hồ chứa nước 2 dung tích 1.000 m<sup>3</sup> (kích thước dài 20m x rộng 20m x sâu 2,5m), thành và đáy có phủ lớp bạt HDPE, đất sét dày 15 cm; 03 lớp vải địa kỹ thuật dày 0,25mm/lớp; tiếp đến lớp cát trung, sỏi, đá vụn 5cm. Hồ này tiếp giáp với bể hiếu khí của hệ thống xử lý nước thải tập trung, có chức năng lưu chứa nước thải khi hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 800m<sup>3</sup>/ngày đêm gặp sự cố, nước thải được chảy tràn từ bể điều hòa sang hồ bằng ống PVC DN160m, chiều dài 25m.

+ Hồ chứa nước 3 dung tích 1.000 m<sup>3</sup> (kích thước dài 20m x rộng 20m x sâu 2,5m), thành và đáy có phủ lớp bạt HDPE, đất sét dày 15 cm; 03 lớp vải địa kỹ thuật dày 0,25mm/lớp; tiếp đến lớp cát trung, sỏi, đá vụn 5cm.

Hồ chứa nước 3 có chức năng chứa nước thải sau xử lý và được pha loãng bằng một phần nước sông Thái Bình (tỷ lệ 10-20%), sau đó được bơm cưỡng bức (01 bơm cưỡng bức, công suất 45m<sup>3</sup>/h) về bể lọc cát và đưa về ngăn thứ 2 thể tích 252m<sup>3</sup> (kích thước dài 12m x rộng 6m x sâu 3,5m) của bể chứa nước sạch (bể chứa nước sạch thể tích 504m<sup>3</sup>) phục vụ cho dây chuyền sản xuất bao bì cao cấp, giấy photo, giấy viết và cấp nước cho lò hơi.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH 32%, Nutrient 10%, Polymer, Javen.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục.

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt thiết bị quan trắc tự động (quy định tại điểm a khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố.

- Bố trí công nhân chịu trách nhiệm vận hành liên tục, đúng quy trình kỹ thuật; trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý nước thải như máy bơm, bơm định lượng,...; thường xuyên kiểm tra đường ống công nghệ, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố, nước thải sẽ được đưa về hồ chứa nước 2. Khi có sự cố thì nước thải từ bể điều hòa tự chảy tràn xuống hồ này bằng đường ống PVC DN160 dài 25m. Sau khi khắc phục sự cố xong, nước thải từ hồ sự cố (hồ số 2) sẽ được bơm về bể điều hòa để xử lý, bảo đảm nước thải đạt yêu cầu trước khi tuần hoàn, tái sử dụng lại cho sản xuất. Đối với trường hợp hệ thống xử lý nước thải có sự cố nghiêm trọng, chưa thể khắc phục ngay, Công ty phải tạm dừng sản xuất để khắc phục sự cố.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Tối đa 06 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị xử nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 800 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

2.2.1. *Vị trí lấy mẫu*: 02 điểm (01 điểm tại bể gom nước thải và 01 điểm tại bể chứa nước tuần hoàn).

2.2.2. *Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm*: cột A của QCVN 12- MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy.

### **2.3. Tần suất lấy mẫu**

- Mẫu nước trước xử lý trong giai đoạn vận hành ổn định: 01 lần/ngày (lấy 03 ngày liên tiếp, mẫu đơn).

- Mẫu nước thải sau xử lý trong giai đoạn vận hành ổn định: 01 lần/ngày (lấy 03 ngày liên tiếp, mẫu đơn).

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt (nước thải nhà vệ sinh và nước thải nhà ăn), nước thải sản xuất, nước thải vương vãi và rửa sàn nhà khu vực sản xuất, nước thải xả cặn lò hơi, nước thải từ hoạt động vệ sinh bể lắng của hệ thống xử lý khí thải lò hơi của Cơ sở đảm bảo đạt yêu cầu chất lượng (cột A của QCVN 12-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy, theo đề nghị và cam kết của chủ cơ sở) để tuần hoàn, tái sử dụng cho quá trình sản xuất; không được xả nước thải ra ngoài môi trường dưới mọi hình thức.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải; bảo đảm không xả nước thải ra ngoài môi trường.

3.3. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án cho UBND tỉnh Hải Dương, Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty cổ phần Tấn Hưng có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc chất thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương, Sở Nông nghiệp và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.5. Công ty cổ phần Tấn Hưng chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu xả nước thải ra ngoài môi trường.



## Phụ lục II

# NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số 592/GPMT-UBND ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

## A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

### 1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn thải số 01: Khí thải phát sinh từ lò hơi (đốt củi băm, vỏ cây băm) công suất 15 tấn/giờ.

- Nguồn thải số 02: Khí thải phát sinh từ lò hơi (đốt củi băm, vỏ cây băm) công suất 8 tấn/giờ.

### 2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

#### 2.1. Vị trí xả khí thải

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống khói của hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi công suất 15 tấn/giờ.

Tọa độ vị trí điểm xả khí thải:  $X(m) = 2311841$ ;  $Y(m) = 588221$  (Theo hệ tọa độ VN2.000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ).

- Dòng khí thải số 02: Tương ứng với ống khói của hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi công suất 8 tấn/giờ.

Tọa độ vị trí điểm xả khí thải:  $X(m) = 2311814$ ;  $Y(m) = 588247$  (Theo hệ tọa độ VN2.000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ).

#### 2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 103.000 m<sup>3</sup>/h, trong đó:

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải tối đa 80.000 m<sup>3</sup>/h.

- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải tối đa 23.000 m<sup>3</sup>/h.

2.3. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thải, liên tục 24 giờ/ngày.

2.4. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với chất vô cơ, mức B ( $K_p=0,9$ ,  $K_v=0,8$ ), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	144	6 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	720		

3	NO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	612		
4	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	360		

*Ghi chú: Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032, giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp khi xả thải ra môi trường không khí phải đáp ứng quy định tại QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (ban hành kèm theo Thông tư số 45/2024/TT-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp).*

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải để đưa về hệ thống xử lý khí thải

- Khí thải phát sinh từ lò hơi 15 tấn/giờ được dẫn vào tháp xử lý khí thải sau đó thải ra môi trường qua ống thải bằng tôn cao 25m, đường kính 1m (tính từ hệ thống xử lý tới điểm xả).

- Khí thải phát sinh từ lò hơi 8 tấn/giờ được dẫn qua hệ thống xử lý khí thải lò hơi (bộ khử bụi và bể đập bụi nước), sau đó thải ra ngoài môi trường qua 01 ống thải, vật liệu SUS304, đoạn 6m phía dưới dày 4mm, phần còn lại dày 3mm; đường kính D750 mm; chiều cao 18m.

#### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải

##### 1.2.1. Công trình, thiết bị xử lý khí thải lò hơi 15 tấn/ giờ

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Cyclon lọc bụi khô → Quạt hút → Lọc bụi Venturi (lọc bụi ướt) → Bể hấp thụ → Ống thải ra ngoài môi trường.

- Công suất: 80.000 m<sup>3</sup>/giờ.

- Thông số kỹ thuật: 01 quạt hút, lưu lượng 80.000 m<sup>3</sup>/h; 01 cyclon chùm chứa 49 cyclon nhỏ; 01 ventury kích thước DxH = (955x3.400) mm, chất liệu bằng thép không gỉ, 01 van phun nước; bể hấp thụ 2 ngăn bằng bê tông cốt thép 42m<sup>3</sup>, kích thước ngăn 1 (5x2,4x3) m, ngăn 2 (5x0,8x1,5) m.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Dung dịch nước vôi trong. Định kỳ 02 tháng/lần xả bỏ dung dịch cũ và thay dung dịch mới, dung dịch xả bỏ được đưa về bể lắng 4 ngăn qua đường ống PVC DN160, chiều dài 1,5m.

##### 1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải lò hơi 8 tấn/giờ

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Bộ khử bụi (Cyclon chùm) → Quạt hút → Bể đập bụi ướt → Ống thải ra ngoài môi trường.

- Công suất: 23.000 m<sup>3</sup>/giờ.

- Thông số kỹ thuật: 01 quạt hút, lưu lượng 23.000 m<sup>3</sup>/h; 01 bộ khử bụi (cyclon chùm) chứa 35 cyclon nhỏ; bể đập bụi ướt bê tông cốt thép, kích thước

(2,5x5,0x5,5) m; 01 ống thải, vật liệu SUS304, đoạn 6m phía dưới dày 4mm, phần còn lại dày 3mm; đường kính D750 mm; chiều cao 18m.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không (sử dụng nước).

Định kỳ 02 tháng/ lần vệ sinh bể đập bụi. Nước thải đập bụi đưa về bể lắng 3 ngăn qua đường ống PVC DN100, chiều dài 5m.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

1.4. Biện pháp, công trình, phòng ngừa ứng phó sự cố

- Đào tạo nhân viên kỹ thuật nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý khí thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố.

- Thường xuyên thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng hệ thống xử lý bụi, khí thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

- Trường hợp xảy ra sự cố, dừng hoạt động sản xuất tại khu vực bị hư hỏng, kiểm tra hệ thống xử lý bụi, khí thải và hoạt động sản xuất tiếp tục khi hệ thống xử lý khí thải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và bảo vệ môi trường. Khi sự cố ở mức nghiêm trọng, Công ty phải báo cáo với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và tạm ngừng sản xuất để khắc phục sự cố.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Tối đa 06 tháng kể từ ngày được cấp Giấy phép môi trường.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải phải vận hành thử nghiệm

- Hệ thống xử lý bụi và khí thải lò hơi 15 tấn/ giờ, công suất 80.000 m<sup>3</sup>/h.

- Hệ thống xử lý bụi và khí thải lò hơi 8 tấn/ giờ, công suất 23.000 m<sup>3</sup>/h.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

- Tại ống thải của hệ thống xử lý khí thải lò hơi 15 tấn/giờ.

- Tại ống thải của hệ thống xử lý khí thải lò hơi 8 tấn/giờ.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Mục 2.2.2 phần A phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể như sau: ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý khí thải.

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của hệ thống xử lý khí thải bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.4 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của cơ sở cho UBND tỉnh Hải Dương, Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty cổ phần Tấn Hưng có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.3. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc chất thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải, gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương, Sở Nông nghiệp và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi và khí thải.

3.5. Công ty cổ phần Tấn Hưng chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

### Phụ lục III

## BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 592/GPMT-UBND  
ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

#### 1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Từ phân xưởng xeo giấy.
- Nguồn số 02: Từ khu vực dây chuyền sản xuất giấy bao bì, giấy viết, giấy photo.
- Nguồn số 03: Từ khu vực dây chuyền sản xuất giấy ăn, giấy vệ sinh.
- Nguồn số 04: Từ khu vực lò hơi 15 tấn/giờ.
- Nguồn số 05: Từ khu vực lò hơi 8 tấn/giờ.
- Nguồn số 06: Khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:** Theo hệ tọa độ VN 2.000, kinh tuyến trực 105<sup>0</sup>30', múi chiếu 3<sup>0</sup>.

- Tọa độ nguồn số 01: X: 2311896; Y: 588174.
- Tọa độ nguồn số 02: X: 2311820; Y: 588185.
- Tọa độ nguồn số 03: X: 2311890; Y: 588123.
- Tọa độ nguồn số 04: X: 2311840; Y: 588220.
- Tọa độ nguồn số 05: X: 2311838; Y: 588237.
- Tọa độ nguồn số 06: X: 2311896; Y: 588174.

#### 3. Tiếng ồn, độ rung

Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN26:2010/ BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/ BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

##### 3.1. Tiếng ồn

TT	Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn, dBA		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ ÷ 21 giờ	Từ 21 giờ ÷ 6 giờ		
1	70	55	Không thực hiện	Khu vực thông thường

## 3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	6 giờ ÷ 21 giờ	21 giờ ÷ 6 giờ		
1	70	60	Không thực hiện	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG****1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Sử dụng đệm cao su, lò xo chống rung đối với các thiết bị, máy móc.
- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt, kiểm tra sự mài mòn của các chi tiết và cho dầu bôi trơn theo định kỳ.
- Đầu tư thiết bị, máy móc hiện đại.
- Công nhân làm việc liên tục tại các công đoạn phát sinh tiếng ồn được trang bị nút tai chuyên dụng để giảm tác động của tiếng ồn.
- Trồng cây xanh xung quanh khu vực nhà máy để che nắng, giảm lượng bức xạ mặt trời, tiếng ồn, ngăn bụi phát tán ra bên ngoài nhà máy.
- Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng máy móc thiết bị, Định kỳ duy tu, bảo dưỡng với tần suất 06 tháng/lần.

**2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

## Phụ lục IV

### YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 592/GPMT-UBND ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

#### A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

##### 1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg)/tháng	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại
1	Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp	Bùn	6.000	12 06 05	KS
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	24	16 01 06	NH
3	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải (bóng đèn led,...)	Rắn	5	16 01 13	NH
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	36	17 02 03	NH
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa dính nhiễm thành phần nguy hại (thùng chứa keo ADK)	Rắn	225	18 01 03	KS
6	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải (phi chứa chất tăng trắng, trợ bảo lưu, phi chứa dầu)	Rắn	274	18 01 02	KS
7	Giẻ lau, găng tay dính dầu	Rắn	95	18 02 01	KS
<b>Tổng khối lượng</b>			<b>6.659</b>		

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải
1	Bùn thải từ hoạt động nạo vét hệ thống thoát nước	Bùn	1.350	11 05 06
2	Cát	Rắn	11.250	12 06 09

3	Bùn thải từ hệ thống xử lý khí thải (lò hơi 15 tấn)	Bùn	1.425	04 02 08
4	Bùn thải từ hệ thống xử lý khí thải (lò hơi 8 tấn)	Bùn	760	04 02 08
5	Tro, xỉ và bụi lò hơi không chứa thành phần nguy hại lò hơi 15 tấn	Rắn	807.500	04 02 06
6	Tro, xỉ và bụi lò hơi không chứa thành phần nguy hại lò hơi 8 tấn	Rắn	549.619	04 02 06
7	Giấy vụn, giấy rách	Rắn	38.600	18 01 05
8	Bao bì nhựa, nilon thải không chứa thành phần nguy hại	Rắn	6.500	18 01 06
9	Bao bì gỗ (thùng gỗ, pallet gỗ) thải không chứa thành phần nguy hại	Rắn	1.500	18 01 07
<b>Tổng khối lượng</b>			<b>1.418.504</b>	

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 11,1 tấn/năm.

## **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại**

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát

### *a) Thiết bị lưu chứa*

- Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung được lưu giữ trong bể chứa bùn có dung tích chứa khoảng 174,96m<sup>3</sup>, bằng bê tông cốt thép.

- Trang bị các thùng chứa bằng nhựa có nắp đậy riêng đối với từng loại chất thải, được để tại kho chứa CTNH.

### *b) Kho lưu chứa*

- Khu vực lưu chứa CTNH chung: diện tích 30m<sup>2</sup>. Thiết kế cấu tạo: tường xây gạch đặc, mái tôn, nền bê tông; có cửa ra vào, có gờ chống tràn tránh rò rỉ chất thải lỏng, có dán cảnh báo CTNH, được trang bị thiết bị PCCC, vật liệu thấm hút, có biển cảnh báo, phòng ngừa theo quy định.

- Khu vực chứa bùn thải của hệ thống xử lý nước thải:

+ Khu vực chứa riêng: diện tích 50m<sup>2</sup> (vị trí ở đầu ra của máy ép bùn).



+ Thiết kế cấu tạo: Hệ thống mái che bằng tôn, kích thước LxB=10m x 5m, xung quanh bố trí rãnh thu nước về bể chứa nước thu hồi máy ép bùn (bể kích thước 1m<sup>3</sup>, LxBxH= 1m x 1m x 1m), bể này được bơm về bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

a) *Thiết bị lưu chứa*

Các bao bì bằng dứa.

b) *Kho lưu chứa*

- Kho lưu chứa chung: diện tích 75m<sup>2</sup>. Thiết kế, cấu tạo: tường xây gạch trên quay tôn, mái lợp tôn, nền xi măng.

- Khu vực chứa bụi, tro xỉ lò hơi: diện tích 50,16m<sup>2</sup>. Thiết kế cấu tạo: nền bê-tông, xây tường gạch đặc, mái lợp tôn, kích thước LxB = 7,6m x 6,6m.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

a) *Thiết bị lưu chứa*

Thùng chứa có dung tích từ 5-120 lít.

b) *Kho lưu chứa*

- Kho chứa diện tích 16m<sup>2</sup>.

- Thực hiện thu gom trong ngày.

**3. Hệ thống tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải:** Không có

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

## **Phụ lục V**

### **CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 592/GPMT-UBND  
ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)*

#### **A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

#### **B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

#### **C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**

Đã hoàn thành toàn bộ các hạng mục, công trình bảo vệ môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo Quyết định số 4283/QĐ-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Cơ sở sản xuất giấy và cho thuê nhà xưởng” tại xã Ngọc Sơn, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương của Công ty cổ phần Tấn Hưng; không còn hạng mục, yêu cầu bảo vệ môi trường cần tiếp tục đầu tư.

#### **D. CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định 05/2025/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyên giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị chức năng theo quy định.

2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất. Nước thải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

3. Tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn hóa chất, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình thực hiện dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường khi có một trong các thay đổi về quy mô, công suất, công nghệ sản xuất hoặc thay đổi khác làm tăng tác động xấu đến môi trường so với Giấy phép này.

7. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.